

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÍ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2011**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>	<b>2 - 6</b>
<b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>7 - 11</b>
<b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>12 - 13</b>
<b>5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>14 - 43</b>

\*\*\*\*\*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>961.970.395.944</b>	<b>985.183.082.558</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>180.978.498.695</b>	<b>197.304.823.335</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		5.771.394.849	4.597.473.030
2. Tiền gửi ngân hàng	112		117.020.363.219	30.889.662.305
3. Tiền đang chuyển	113		998.540.627	6.787.688.000
4. Các khoản tương đương tiền	114		57.188.200.000	155.030.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>405.138.299.981</b>	<b>500.909.260.377</b>
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		25.184.527.417	52.370.513.037
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		382.358.979.176	449.779.434.732
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.405.206.612)	(1.240.687.392)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>353.739.623.897</b>	<b>278.788.737.243</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	174.272.746.152	163.630.850.721
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	68.024.459.607	23.719.055.316
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		357.413.442	1.082.735.331
4. Phải thu nội bộ ngắn hạn	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	136.895.315.529	103.716.326.990
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(25.810.310.833)	(13.360.231.115)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>3.935.214.516</b>	<b>2.366.317.754</b>
1. Hàng mua đang đi đường	141		-	-
2. Nguyên liệu, vật liệu	142		2.245.727.356	1.658.511.044
3. Công cụ, dụng cụ	143		115.414.187	88.173.377
4. Chi phí kinh doanh dở dang	144		-	-
5. Hàng hoá	145		1.574.072.973	619.633.333
6. Hàng gửi đi bán	146		-	-
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.178.758.855</b>	<b>5.813.943.849</b>
1. Tạm ứng	151		16.042.652.459	4.309.132.127
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	152	V.8	211.197.817	135.494.090
3. Các khoản cầm cố, kỹ quỹ ngắn hạn	154		1.140.325.058	204.387.782
4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	155	V.9	784.583.521	1.164.929.850
5. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
6. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>498.373.619.570</b>	<b>486.570.638.580</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>201</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	202		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	203		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	204		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	205		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	206		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>86.786.503.158</b>	<b>75.548.850.321</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	V.10	41.335.063.610	29.903.944.976
<i>Nguyên giá</i>	212		74.118.376.995	59.427.483.126
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	213		(32.783.313.385)	(29.523.538.150)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214		-	-
<i>Nguyên giá</i>	215		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	216		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	217	V.11	45.381.168.064	45.574.633.861
<i>Nguyên giá</i>	218		46.147.404.000	46.147.404.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	219		(766.235.936)	(572.770.139)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>220</b>		<b>382.974.585.290</b>	<b>383.795.528.808</b>
1. Đầu tư vào công ty con	221		-	-
2. Đầu tư chứng khoán dài hạn	222		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	223	V.12	116.873.371.205	117.178.199.723
4. Đầu tư dài hạn khác	228	V.13	266.880.536.111	267.396.651.111
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	229	V.14	(779.322.026)	(779.322.026)
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>70.271.484</b>	<b>70.271.484</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>240</b>		<b>21.617.767.595</b>	<b>20.231.495.924</b>
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		10.200.000.000	6.200.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		4.501.182.505	5.408.042.130
3. Chi phí trả trước dài hạn	243	V.15	6.916.585.090	8.623.453.794
4. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	244		-	-
5. Tài sản dài hạn khác	248		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>250</b>	V.16	<b>6.994.763.527</b>	<b>6.994.763.527</b>
<i>Nguyên giá</i>	251		6.994.763.527	6.994.763.527
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	252		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.460.344.015.514</b>	<b>1.471.753.721.138</b>



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>822.157.800.456</b>	<b>801.727.867.639</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155.352.427.036</b>	<b>245.272.131.094</b>
1. Vay ngắn hạn	311	V.17	11.870.000.000	100.000.000.000
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	312	V.18	200.612.215	405.824.000
3. Phải trả người bán	313	V.19	71.577.779.988	66.045.343.542
4. Người mua trả tiền trước	314	V.20	2.597.201.109	1.745.550.263
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	V.21	18.734.046.385	24.801.192.394
6. Phải trả người lao động	316		851.781.958	25.314.422.649
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	V.22	47.900.152.163	25.541.850.208
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319	V.23	1.620.853.218	1.417.948.038
10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	319.1		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319.2		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>5.588.649.421</b>	<b>10.018.857.729</b>
1. Vay dài hạn	321	V.24	170.624.454	173.813.334
2. Nợ dài hạn	322		-	-
3. Phát hành trái phiếu	323		-	-
4. Phải trả dài hạn người bán	324		-	-
5. Phải trả dài hạn nội bộ	325		-	-
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	326		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	327		342.163.136	342.163.136
8. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	328	V.25	688.277.518	731.333.965
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
10. Doanh thu chưa thực hiện			4.387.584.313	8.771.547.294
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			-	-
<b>III. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>330</b>	<b>V.26</b>	<b>660.152.008.424</b>	<b>544.517.796.902</b>
1. Dự phòng phí	331		363.229.594.444	278.318.419.396
2. Dự phòng toán học	332		-	-
3. Dự phòng bồi thường	333		141.231.569.058	122.705.081.721
4. Dự phòng giao động lớn	334		155.690.844.922	143.494.295.785
5. Dự phòng chia lãi	335		-	-
6. Dự phòng bảo đảm cân đối	336		-	-
<b>IV. Nợ khác</b>	<b>340</b>		<b>1.064.715.575</b>	<b>1.919.081.914</b>
1. Chi phí phải trả	341	V.27	1.064.715.575	1.919.081.914
2. Tài sản thừa chờ xử lý	342		-	-
3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		-	-

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>634.589.174.716</b>	<b>666.737.523.518</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.28</b>	<b>634.589.174.716</b>	<b>666.737.523.518</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	411.1		114.375.000.000	114.375.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	411.2		(201.068.212)	(201.068.212)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	(57.044.594)
6. Vốn khác của chủ sở hữu	411.3		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	414		16.142.724.236	15.377.483.028
8. Quỹ dự phòng tài chính	415		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		15.814.608.483	15.814.608.483
10. Quỹ dự trữ tự nguyện	417		-	-
11. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	411.4		-	-
12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		38.457.910.209	71.428.544.813
13. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419		-	-
14. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	425		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	428		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>429</b>	<b>V.29</b>	<b>3.597.040.342</b>	<b>3.288.329.981</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>1.460.344.015.514</b>	<b>1.471.753.721.138</b>

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		239.490.120.699	196.270.976.370
6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
8. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		8.570,46	6.231,62
Euro (EUR)		35.800,04	492,83
Bảng Anh (£)		383,39	386,51
9. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
10. Cổ phiếu lưu hành		-	-
11. Cổ tức phải trả		-	-

Người lập biểu

Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Quý 2.2011	Năm nay	
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		253.632.493.871	484.413.120.022	281.381.565.351
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		11.187.631.623	33.655.907.935	26.525.454.235
3. Các khoản giảm trừ	03		60.520.817.396	111.517.390.043	75.843.160.188
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		52.566.431.772	100.212.786.238	72.940.356.843
- Giám phí bảo hiểm	05		7.623.780.383	8.030.824.534	-
- Hoàn phí bảo hiểm	06		330.605.241	3.273.779.271	2.902.803.345
- Các khoản giảm trừ khác	07		-	-	-
4. Tăng (giảm) dự phòng phí	08		43.651.900.327	84.911.175.048	34.044.106.412
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		11.932.666.301	23.863.750.775	16.424.060.146
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		1.687.695.902	1.865.509.324	2.408.146.754
- Thu nhận tái bảo hiểm	11		-	112.674.936	-
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		-	-	-
- Thu khác (Giám định, đại lý)	13		1.687.695.902	1.752.834.388	2.408.146.754
7. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14=01+02-03+/-08+09+10)	14	VI.1	174.267.769.974	347.369.722.965	216.851.959.886
8. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	14B	VI.2	66.896.853.444	108.905.853.652	65.693.044.885

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
9. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15	94.679.258.554	152.081.867.771
10. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16	4.661.339.333	11.547.037.073
11. Các khoản giảm trừ	17	50.461.898.077	59.798.563.790
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18	49.814.149.439	58.309.838.237
- Thu bồi người thứ ba bồi hoàn	19	50.000.000	50.000.000
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20	597.748.638	1.438.725.553
12. Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (21=15+16-17)	21	48.878.699.810	103.830.341.054
13. Chi bồi thường từ dự phòng giao động lớn	22	-	-
14. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23	(2.311.832.225)	18.526.487.337
15. Số trích dự phòng giao động lớn trong năm	24	9.646.882.520	12.196.549.137
16. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25	28.005.687.788	51.786.930.359
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26	24.743.610.662	43.608.911.609
+ Chi hoa hồng	27	20.844.739.088	37.968.491.329
+ Chi giám định tổn thất	28	1.463.633.699	2.192.897.013
+ Chi đòi người thứ 3	29	-	-
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30	-	11.829.091
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31	40.682.954	529.091
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32	996.379.050	1.228.744.153
+ Chi khác	33	1.398.175.871	2.178.096.160

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BUI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý 2.2011	Năm nay / Năm trước
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		2.603.692.780	7.519.634.404
+ Chi hoa hồng	35		2.368.192.566	6.501.568.934
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		-	-
+ Chi khác	38		235.500.214	1.018.065.470
- Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		658.384.346	658.384.346
- Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		-	-
17. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41=21-22+/-23+24+25)	41		84.219.437.893	186.340.307.887
18. Giá vốn cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác	41	VI.3	62.067.475.222	102.204.474.336
19. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh (42=14+14B-41-41B)	42		94.877.710.303	167.730.794.394
20. Chi phí bán hàng	43	VI.4	8.002.184.218	14.694.079.246
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	VI.5	81.249.600.176	138.152.460.877
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (45=42-43-44)	45		5.625.925.909	14.884.254.271
23. Doanh thu hoạt động tài chính	46	VI.6	33.773.421.366	59.149.860.892
24. Chi phí hoạt động tài chính	47	VI.7	8.666.839.338	21.491.141.326
25. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51=46-47)	51		25.106.582.028	37.658.719.566
26. Thu nhập hoạt động khác	52		107.152.039	108.456.262
27. Chi phí hoạt động khác	53		69.286.069	444.907.569
28. Lợi nhuận hoạt động khác (54=52-53)	54		37.865.970	(336.451.307)

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
29. Lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	54.1	(683.018.269)	1.128.732.557
30. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (55=45+51+54)	55	30.087.355.638	37.014.968.964
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60 V.21	6.850.025.116	8.176.273.982
32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.1	-	-
33. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (58=55-51-57)	61	<u>23.237.330.522</u>	<u>28.838.694.982</u>
34. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61.1	339.249.046	114.843.952
35. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61.2	22.898.081.476	28.723.851.030
36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.8	<u>554</u>	<u>685</u>

Ghi chú: Năm 2010, Tổng Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo Quý nên không có số liệu Quý 2 năm 2010 để so sánh.

Người lập biểu

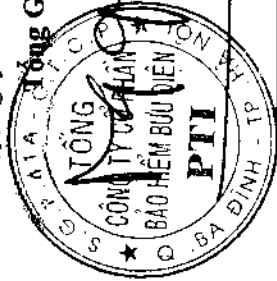
Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Luỹ kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	
<b>I. Thuế (10=11+12+13+14+15+16+17+18+19)</b>	<b>10</b>	<b>23.636.262.544</b>	<b>41.506.239.578</b>	<b>47.193.039.258</b>	<b>17.949.462.864</b>
1. Thuế GTGT hàng hoá dịch vụ	11	6.203.887.501	25.765.060.329	26.942.361.311	5.026.586.519
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	17.083.314.807	12.173.721.553	18.107.035.026	11.150.001.334
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	72.146.741	1.568.700.520	574.058.111	1.066.789.150
7. Thuế tài nguyên	17	-	-	-	-
8. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18	-	-	-	-
9. Các loại thuế khác	19	276.913.495	1.998.757.176	1.569.584.810	706.085.861
- Thuế môn bài	20	-	-	-	-
- Thuế nhà thầu	21	276.913.495	1.998.757.176	1.569.584.810	706.085.861
<b>II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (30=31+32+33)</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3. Các khoản khác	33	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG (40=10+30)</b>	<b>40</b>	<b>23.636.262.544</b>	<b>41.506.239.578</b>	<b>47.193.039.258</b>	<b>17.949.462.864</b>

Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay:

23.636.262.544

Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp:

17.083.314.807

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51.032.048.523	37.014.968.964
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.097.186.032	2.813.506.568
- Các khoản dự phòng	03		129.248.810.460	62.138.804.249
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.946.878.105)	(29.901.761.581)
- Chi phí lãi vay	06	VI.7	5.531.343.204	371.382.566
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		136.962.510.114	72.436.900.766
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(71.568.154.756)	(32.140.348.334)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.568.896.762)	5.630.261.747
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27.463.095.021)	13.588.193.598
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.631.164.977	578.617.950
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.531.343.204)	(371.382.566)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18.107.035.026)	(11.123.694.736)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.926.231.510	6.169.515.030
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15.141.309.154)	(10.827.461.548)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.140.072.678</b>	<b>43.940.601.907</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15.334.838.869)	(19.375.857.618)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(492.140.700.000)	(418.324.216.121)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		559.468.755.556	342.626.095.222
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(41.316.485.000)	(42.396.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		42.460.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.636.352.112	10.897.462.252
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>105.773.083.799</b>	<b>(126.573.016.265)</b>

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	155.925.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		43.222.426.013	11.512.657.692
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(131.560.826.678)	(16.241.496.905)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(40.901.080.452)	(117.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(129.239.481.117)</i>	<i>151.079.160.787</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.326.324.640)	68.446.746.429
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	197.304.823.335	99.497.839.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>180.978.498.695</u>	<u>167.944.585.745</u>

Người lập biểu

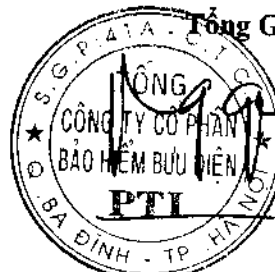
Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và công ty con.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:

- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trước đây là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB do Ủy ban nhân dân TP.Hà Nội cấp ngày 01 tháng 8 năm 1998. Tổng Công ty đã được cổ phần hoá và trở thành doanh nghiệp cổ phần kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 41A GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày.
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng Việt Nam
- Số cổ phần đã đăng ký 45.000.000 cổ phần
- Tổng Công ty đã niêm yết toàn bộ số cổ phần đăng ký tại Sở chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 02 tháng 3 năm 2011 với mã chứng khoán là PTL.
- Cơ cấu vốn cổ phần của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>283.469.890.000</b>	<b>63,00</b>
Công ty mẹ Bưu chính Viễn thông Việt Nam	162.729.000.000	36,16
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	39.690.000.000	8,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	31.752.000.000	7,06
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	23.119.120.000	5,14
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	9.347.590.000	2,08
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	7.484.590.000	1,66
Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông	9.347.590.000	2,08
<b>Cổ đông khác</b>	<b>166.530.110.000</b>	<b>37,00</b>
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

2. Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
  - + Bảo hiểm sức khoẻ và bảo hiểm tai nạn con người;
  - + Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
  - + Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
  - + Bảo hiểm trách nhiệm chung;
  - + Bảo hiểm xe cơ giới;

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- + Bảo hiểm cháy nổ;
- + Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

- Tổng số Công ty con : 01
- Số lượng công ty con được hợp nhất : 01

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3, số 157 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	51%	75%

#### 5. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18, Khu đô thị Định Công, Hà Nội	49%	95%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chăm pa)	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Lào	40%	40%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP.Hồ Chí Minh	21,3%	21,3%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9, ngách 67, ngõ Góc Đê, quận Hoàng Mai, Hà Nội	30%	40%

#### 6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty có 780 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 630 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán áp dụng việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

trương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty mẹ có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty mẹ có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Tiền thuê văn phòng trả trước*

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng.



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### *Chi phí phát triển đại lý*

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

#### **14. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### **15. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

#### **16. Các khoản dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Các phương pháp Tổng Công ty áp dụng đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 13120/BTC-BH ngày 03 tháng 11 năm 2008. Cụ thể như sau:

##### *Dự phòng phí chưa được hưởng*

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

##### *Dự phòng bồi thường*

Dự phòng bồi thường được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### ***Dự phòng dao động lớn***

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ tài chính. Mức trích lập trong kỳ là 3% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

### **17. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **18. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

### **19. Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

### **20. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **22. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

### **23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc**

##### ***Doanh thu phí bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định Chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; và bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Chi bồi thường***

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng thì số tiền đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

### ***Hoa hồng***

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính.

### **Hoạt động nhận tái bảo hiểm**

#### ***Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định***

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

#### ***Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

### **Hoạt động nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **Doanh thu bán hàng hoá**

Khi bán hàng hoá, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### **Hoạt động đầu tư**

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## **25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.771.394.849	4.597.473.030
Tiền gửi ngân hàng	117.020.363.219	30.889.662.305
Tiền đang chuyển	998.540.627	6.787.688.000
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i> )	57.188.200.000	155.030.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>180.978.498.695</u></b>	<b><u>197.304.823.335</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		25.184.527.417		52.370.513.037
- HBB	499.000	4.239.659.227		
- SHB	20.000	162.243.000		
- VSH	660.000	5.691.802.279		
- TCM	5	102.006	22.985	468.936.000
- VFA	500.000	5.075.000.000	500.000	5.075.000.000
- VNR	1.000.000	10.015.720.905	1.000.000	10.015.720.905
- EVE			21.850	1.016.500.000
- GMD			100.550	3.432.014.425
- HDC			6	294.997
- ITC			85.000	2.148.237.900
- PVD			150.000	8.154.571.590
- PVF			68.500	1.659.216.810
- PVS			336.700	6.509.367.540
- PVX			350.000	8.012.520.040
- SSI			180.000	5.876.158.860
- VND			66	1.973.970
Đầu tư ngắn hạn khác ( <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống</i> )		382.358.979.176		449.779.434.732
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.405.206.612)		(1.240.687.392)
<b>Cộng</b>		<b><u>405.138.299.981</u></b>		<b><u>500.909.260.377</u></b>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu HBB, SHB, VSH tăng do mua thêm.
- Các cổ phiếu khác giảm do bán một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu mà Tổng Công ty sở hữu.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	1.240.687.392
Trích lập dự phòng bổ sung	1.164.519.220
Hoàn nhập dự phòng	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.405.206.612</b>

### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	112.074.150.009	111.463.175.559
Phải thu về nhận tái bảo hiểm	24.161.620.407	11.192.466.764
Phải thu về nhượng tái bảo hiểm	17.607.706.581	30.369.754.901
Phải thu khách hàng khác	20.429.269.155	10.605.453.497
<b>Cộng</b>	<b>174.272.746.152</b>	<b>163.630.850.721</b>

### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	64.727.877.365	21.962.226.999
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	152.289.919	302.421.587
Trả trước cho nhà cung cấp khác	3.144.292.323	1.454.406.730
<b>Cộng</b>	<b>68.024.459.607</b>	<b>23.719.055.316</b>

### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	62.904.531.330	53.908.549.117
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành	5.614.181.754	5.614.181.754
Đặt cọc hợp đồng uỷ thác mua bán trái phiếu	19.500.000.000	19.500.000.000
Phải thu bồi thường giám định hộ	10.527.844.952	4.648.202.432
Phí bảo hiểm đại lý Vnpost	12.724.406.052	6.207.094.755
Đặt cọc thuê văn phòng PTI Hà Nội và mua ô tô		2.233.716.363
Ước thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	6.411.755.361	
Các khoản phải thu khác	19.212.596.080	11.604.582.569
<b>Cộng</b>	<b>136.895.315.529</b>	<b>103.716.326.990</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	5.370.210.705	1.156.748.049
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.932.617.499	1.955.727.864
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	10.596.283.803	1.515.873.799
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	7.911.198.826	8.731.881.403
<b>Cộng</b>	<b><u>25.810.310.833</u></b>	<b><u>13.360.231.115</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	13.360.231.115
Trích lập dự phòng bổ sung	12.450.079.718
Số cuối kỳ	<b><u>25.810.310.832</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.245.727.356	1.658.511.044
Công cụ, dụng cụ	115.414.187	88.173.377
Hàng hoá	1.574.072.973	619.633.333
<b>Cộng</b>	<b><u>3.935.214.516</u></b>	<b><u>2.366.317.754</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê nhà	150.755.909	
Công cụ dụng cụ		14.392.272
Chi phí khác	60.441.908	121.101.818
<b>Cộng</b>	<b><u>211.197.817</u></b>	<b><u>135.494.090</u></b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nộp thừa		35.102.386
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	118.241.593	10.677.552
Các loại thuế khác nộp thừa	666.341.928	1.119.149.912
<b>Cộng</b>	<b><u>784.583.521</u></b>	<b><u>1.164.929.850</u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	10.972.972.277	2.211.495.530	32.004.085.015	14.238.930.304	59.427.483.126
Mua sắm mới		16.990.909	12.908.150.352	2.409.697.608	15.334.838.869
Thanh lý			(643.945.000)		(643.945.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.972.972.277</b>	<b>2.228.486.439</b>	<b>44.268.290.367</b>	<b>16.648.627.912</b>	<b>74.118.376.995</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	760.580.969	427.894.003	17.475.629.681	10.859.433.497	29.523.538.150
Khấu hao	316.899.110	138.368.766	2.575.422.364	873.029.995	3.903.720.235
Thanh lý			(643.945.000)		(643.945.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.077.480.079</b>	<b>566.262.769</b>	<b>19.407.107.045</b>	<b>11.732.463.492</b>	<b>32.783.313.385</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10.212.391.308	1.783.601.527	14.528.455.334	3.379.496.807	29.903.944.976
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.895.492.198</b>	<b>1.662.223.670</b>	<b>24.861.183.322</b>	<b>4.916.164.420</b>	<b>41.335.063.610</b>

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	44.795.404.000	1.352.000.000	46.147.404.000
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>44.795.404.000</b>	<b>1.352.000.000</b>	<b>46.147.404.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm		572.770.139	572.770.139
Khấu hao		193.465.797	193.465.797
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>766.235.936</b>	<b>766.235.936</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	44.795.404.000	513.229.861	45.574.633.861
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>44.795.404.000</b>	<b>585.764.064</b>	<b>45.381.168.064</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện (a)	Kinh doanh bất động sản	49%	91.052.166.833	49%	90.898.437.189
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Châm Pa (b)	Kinh doanh bảo hiểm	40%	11.277.339.450	40%	11.397.674.074
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (c)	Điện tử viễn thông	21,3%	10.493.685.141	21,3%	12.062.311.230
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam (d)	Điện tử viễn thông	30%	4.050.179.781	30%	2.819.777.230
<b>Cộng</b>			<b>116.873.371.205</b>		<b>117.178.199.723</b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Giá trị vốn góp trong kỳ	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(a)	90.898.437.189	153.729.644				91.052.166.833
(b)	11.397.674.074	(120.334.624)				11.277.339.450
(c)	12.062.311.230	(264.251.806)	(1.148.562.000)		(155.812.283)	10.493.685.141
(d)	2.819.777.230	204.944.779		950.000.000	75.457.772	4.050.179.781
<b>Cộng</b>	<b>117.178.199.723</b>	<b>(25.912.007)</b>	<b>(1.148.562.000)</b>	<b>950.000.000</b>	<b>(80.354.511)</b>	<b>116.873.371.205</b>

#### 13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		82.145.000.000		66.815.000.000
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100.000	1.110.000.000	100.000	1.110.000.000
- Công ty CP Fecon VN	3.000	60.000.000	3.000	60.000.000
- Công ty CP Trúc Thôn	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Ứt Xi	1.000.000	15.000.000.000	1.000.000	15.000.000.000
- Công ty CP Du lịch Bưu điện		2.940.000.000		2.940.000.000
- Công ty CP Dịch vụ số liệu Toàn Cầu		17.080.000.000		17.080.000.000
- Công ty CP Huawei VN		5.800.000.000		5.800.000.000
- Công ty CP Công nghệ Viễn thông Thế hệ mới		750.000.000		750.000.000
- Công ty CP Bất động sản Phương Nam		14.900.000.000		14.900.000.000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP ĐTVT Công nghệ và Truyền thông		625.000.000		625.000.000
- Công ty CP Thăng Long Xanh				4.950.000.000
- Công ty Tài chính CP Xi măng		20.280.000.000		
Đầu tư trái phiếu		11.000.000.000		31.000.000.000
- Trái phiếu Chính phủ, đáo hạn ngày 15/04/2012, lãi suất 8,1%/năm		1.000.000.000		1.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, đáo hạn ngày 30/06/2011, lãi suất libor + 2,4%/năm				20.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, đáo hạn ngày 25/09/2011, lãi suất libor + 2,8%/năm		10.000.000.000		10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 01 năm trở lên		7.240.095.833		7.147.695.833
Ủy thác danh mục đầu tư		6.924.777.778		19.849.777.778
- Công ty CP Quản lý Quỹ Bông Sen		1.924.777.778		4.849.777.778
- Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)		5.000.000.000		5.000.000.000
- Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB				10.000.000.000
Cho vay uỷ thác		78.583.875.000		76.397.390.000
- Ngân hàng NN và Phát triển Nông thôn Việt Nam		34.264.000.000		35.264.000.000
- Công ty Tài chính Bưu điện				1.500.000.000
- Công ty CP Công ty mẹ Đầu tư IPA		2.000.000.000		
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		22.900.000.000		23.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN		18.919.875.000		16.133.390.000
- Công ty CP Du lịch Bưu điện		500.000.000		
Đầu tư vào đơn vị khác		80.986.787.500		66.186.787.500
- Công ty CP Bất động sản Bưu điện - Dự án kinh doanh Bất động sản		70.614.062.500		55.814.062.500
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 HN		10.372.725.000		10.372.725.000
<b>Cộng</b>		<b>266.880.536.111</b>		<b>267.396.651.111</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn		
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	779.322.026	779.322.026
<b>Cộng</b>	<b><u>779.322.026</u></b>	<b><u>779.322.026</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	779.322.026
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>779.322.026</u></b>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ dụng cụ	1.088.034.654	676.744.309	1.079.870.410	684.908.553
Chi phí thuê nhà	2.032.701.871	3.060.848.373	2.899.837.730	2.193.712.514
Chi phí phát triển đại lý	4.268.513.535	1.212.478.935	1.764.845.314	3.716.147.156
Chi phí truyền thông và phát triển thương hiệu	460.764.600		230.382.300	230.382.300
Các khoản chi phí khác	773.439.134		682.004.567	91.434.567
<b>Cộng</b>	<b><u>8.623.453.794</u></b>	<b><u>4.950.071.617</u></b>	<b><u>6.656.940.321</u></b>	<b><u>6.916.585.090</u></b>

**16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng lâu dài 909,8 m<sup>2</sup> đất tại phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ586180 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 01 năm 2011.

**17. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	11.000.000.000	100.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	870.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>11.870.000.000</u></b>	<b><u>100.000.000.000</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	100.000.000.000
Số tiền vay phát sinh	43.222.426.013
Số tiền vay đã trả	(131.352.426.013)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>11.870.000.000</u></b>

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BÙ ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 18. Nợ dài hạn đến hạn trả

Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long. Chi tiết số phát sinh như sau:

Số đầu năm	405.824.000
Số tiền vay phát sinh	
Số tiền vay đã trả	(205.211.785)
Số cuối kỳ	<u>200.612.215</u>

### 19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	24.109.334.539	22.431.239.065
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18.085.389	18.085.389
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	7.752.324.739	4.100.611.702
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	34.933.850.429	25.210.211.894
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	1.472.331.590	5.466.502.032
Phải trả cho nhà cung cấp khác	3.291.853.302	8.818.693.460
Cộng	<u>71.577.779.988</u>	<u>66.045.343.542</u>

### 20. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

### 21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.026.586.519	6.238.989.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.150.001.336	17.083.314.807
Thuế thu nhập cá nhân	1.185.030.741	82.824.293
Các loại thuế khác	1.372.427.789	1.396.063.407
Cộng	<u>18.734.046.385</u>	<u>24.801.192.394</u>

#### Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.032.048.523	37.014.968.964
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.337.162.308)	(4.309.873.038)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.166.524.000)	(3.139.115.000)
- Lợi nhuận từ Công ty con giai đoạn đầu tư		(42.025.481)
- Lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết	1.174.474.007	(1.128.732.557)
- Lãi chưa thực hiện năm trước đã hực hiện trong kỳ này	(367.549.315)	
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.977.563.000)	
Thu nhập chịu thuế	48.694.886.215	32.705.095.926
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	48.694.886.215	32.705.095.926
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>12.173.721.553</b>	<b>8.176.273.982</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>		
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>12.173.721.553</b>	<b>8.176.273.982</b>

**Các loại thuế khác**

Tổng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	430.711.611	233.940.612
Kinh phí công đoàn	1.295.179.707	1.533.293.382
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29.733.861.000	3.146.285.952
Tạm ứng thầu chi cho VNDirect		11.651.028.972
Thuế nhà thầu tạm giữ		2.298.968.685
Các khoản khác	16.438.399.845	6.678.332.605
<b>Cộng</b>	<b>47.900.152.163</b>	<b>25.541.850.208</b>

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	704.893.768	550.000.000	882.600.000	372.293.768
Quỹ phúc lợi	713.054.270	2.000.000.000	1.464.494.820	1.248.559.450
<b>Cộng</b>	<b>1.417.948.038</b>	<b>2.550.000.000</b>	<b>2.347.094.820</b>	<b>1.620.853.218</b>

### 24. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 01.2009/NTL-Vinapetro ngày 04 tháng 9 năm 2009 để xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Hậu Giang và Cần Thơ trong thời gian 36 tháng. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	173.813.334
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(3.188.880)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>170.624.454</b>

### 25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	731.333.965	547.474.422
Số trích lập bổ sung		284.202.893
Số đã chi	(43.056.447)	(100.343.350)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>688.277.518</b>	<b>731.333.965</b>

### 26. Dự phòng nghiệp vụ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phí	363.229.594.444	278.318.419.396
Dự phòng bồi thường	141.231.569.058	122.705.081.721
Dự phòng giao động lớn	155.690.844.922	143.494.295.785
<b>Cộng</b>	<b>660.152.008.424</b>	<b>544.517.796.902</b>

### 27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê nhà		795.144.000
Chi phí đầu tư cửa hàng xăng dầu	952.767.066	952.767.066
Chi phí khác	111.948.509	171.170.848
<b>Cộng</b>	<b>1.064.715.575</b>	<b>1.919.081.914</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**28. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ							
Số dư đầu kỳ	450.000.000.000	114.375.000.000	114.375.000.000	(201.068.212)	(57.044.594)	15.377.483.028	15.814.608.483	71.428.544.812	666.737.523.517
Lợi nhuận trong kỳ này								38.510.093.226	38.510.093.226
Trích lập các quỹ trong kỳ này							765.241.208	(3.795.241.208)	(3.030.000.000)
Chia cổ tức kỳ này								(67.488.655.500)	(67.488.655.500)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước					57.044.594				57.044.594
Tăng, giảm khác								(196.831.121)	(196.831.121)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>114.375.000.000</b>	<b>114.375.000.000</b>	<b>(201.068.212)</b>		<b>16.142.724.236</b>	<b>15.814.608.483</b>	<b>38.457.910.209</b>	<b>634.589.174.716</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của cổ đông Nhà nước	162.729.000.000	162.729.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	287.271.000.000	287.271.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	114.375.000.000	114.375.000.000
Cổ phiếu quỹ	(201.068.212)	(201.068.212)
<b>Cộng</b>	<b>564.173.931.788</b>	<b>564.173.931.788</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức chưa trả đầu năm	3.146.285.952	2.849.411.975
Cổ tức năm 2009 đã công bố (12% mệnh giá)		36.000.000.000
Cổ tức năm 2010 đã công bố (15% mệnh giá)	67.488.655.500	
Cổ tức đã trả	(40.901.080.452)	(35.703.126.023)
<b>Cổ tức còn phải trả</b>	<b>29.733.861.000</b>	<b>3.146.285.952</b>

### Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	7.563	7.563
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	44.992.437	44.992.437

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

### 29. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	3.288.329.981
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	348.233.744
Tăng do hợp nhất kinh doanh	
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(39.523.383)
Giảm do nhượng bán công ty con	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.597.040.342</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	543.798.288.056	326.739.226.486
- Doanh thu bảo hiểm gốc	484.413.120.022	281.381.565.351
- Doanh thu nhận tái bảo hiểm	33.655.907.935	26.525.454.235
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	23.863.750.775	16.424.060.146
- Doanh khác	1.865.509.324	2.408.146.754
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(111.517.390.043)	(75.843.160.188)
- Phí nhượng tái bảo hiểm	(100.212.786.238)	(72.940.356.843)
- Giảm phí bảo hiểm	(8.030.824.534)	
- Hoàn phí bảo hiểm	(3.273.779.271)	(2.902.803.345)
Tăng (Giảm) dự phòng phí	(84.911.175.048)	(34.044.106.412)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>347.369.722.965</b>	<b>216.851.959.886</b>

**2. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ khác**

Là doanh thu bán xăng dầu.

**3. Giá vốn cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác**

Là giá vốn xăng dầu đã cung cấp.

**4. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phát triển mạng lưới đại lý bảo hiểm	12.087.496.408	5.306.258.286
Chi phí hoạt động kinh doanh xăng dầu	2.606.582.838	1.603.798.042
<b>Cộng</b>	<b>14.694.079.246</b>	<b>6.910.056.328</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	41.809.434.116	33.206.359.015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.087.270.782	4.002.515.971
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	3.102.652.608	2.134.844.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.097.186.032	2.833.506.568
Thuế, phí và lệ phí	2.140.405.726	1.534.268.849
Chi phí dự phòng	12.450.079.718	1.464.415.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.525.247.679	12.061.088.990
Chi phí khác bằng tiền	47.940.184.216	24.617.295.034
<b>Cộng</b>	<b>138.152.460.877</b>	<b>81.854.294.994</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**6. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	41.135.590.704	25.468.243.616
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	681.807.340	1.095.427.849
Lãi tiền cho vay uỷ thác	6.944.794.486	457.902.965
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	3.389.442.922	
Lãi kinh doanh chứng khoán	3.186.836.674	14.757.925.434
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.166.524.000	3.139.115.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.158.827.915	543.485.207
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.485.000.000	
Các khoản khác	1.036.851	
<b>Cộng</b>	<b>59.149.860.892</b>	<b>45.462.100.071</b>

**7. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.531.343.204	371.382.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	421.161.897	749.461.588
Lỗ kinh doanh chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	14.007.863.579	9.620.146.091
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.164.519.220	1.035.789.540
Các khoản khác	366.253.426	2.960.214.069
<b>Cộng</b>	<b>21.491.141.326</b>	<b>14.736.993.854</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.510.093.226	28.723.851.030
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.510.093.226	28.723.851.030
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.992.437	41.950.770
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>856</b>	<b>685</b>

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	1.374.905.000	988.069.817
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	216.000.000	69.100.000
<b>Cộng</b>	<b>1.590.905.000</b>	<b>1.057.169.817</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Cổ đông sáng lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</b>		
Chia lãi cổ tức		13.018.320.000
Doanh thu phí bảo hiểm gốc cung cấp các đơn vị thành viên trong Công ty mẹ	54.689.897.124	70.683.109.811
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</b>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	762.982.408	434.345.061
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	311.317.348	129.401.442
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	137.841.438	47.245.791
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	944.688.568	1.412.937.422
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	267.352.378	410.634.579
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	683.635.719	326.409.342
<b>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</b>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	21.456.584.182	18.725.805.641
Thu khác nhận tái bảo hiểm	112.674.936	
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	3.658.899.194	3.911.742.592
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	9.924.347.606	6.466.823.520
Chi khác nhận tái bảo hiểm	945.267.404	267.169.777

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	20.246.394.165	13.763.788.744
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	3.734.887.882	3.561.664.146
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	11.697.393.706	3.202.624.429
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</b>	<b>12.174.566.533</b>	<b>16.263.363.456</b>
Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm	11.275.077.785	4.521.817.615
Phải thu khác về nhận tái bảo hiểm	176.033.602	176.033.602
Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm	721.597.381	11.325.265.747
Phải thu khác	1.857.765	240.246.492
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</b>	<b>3.454.871.370</b>	<b>587.710.337</b>
Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm	1.698.104.170	232.992.370
Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.004.383.685	317.696.310
Phải thu khác	752.383.515	37.021.657
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>15.629.437.903</b>	<b>16.851.073.793</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</b>	<b>12.627.814.526</b>	<b>8.814.189.476</b>
Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	2.920.877.758	182.071.116
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	9.656.830.738	8.587.708.624
Phải trả khác	50.106.030	44.409.736
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</b>	<b>3.167.003.751</b>	<b>1.730.331.459</b>
Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	586.382.790	423.471.945
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	2.576.701.266	1.249.640.079
Phải trả khác	3.919.695	57.219.435
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>15.794.818.277</b>	<b>10.544.520.935</b>

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực xăng dầu: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lĩnh vực bảo hiểm	Lĩnh vực xăng dầu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	432.280.898.013	108.905.853.652	541.186.751.665
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>432.280.898.013</b>	<b>108.905.853.652</b>	<b>541.186.751.665</b>
Chi phí bộ phận	420.122.090.460	106.180.406.934	526.302.497.394
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.158.807.553	2.725.446.718	14.884.254.271
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			14.884.254.271
Doanh thu hoạt động tài chính			59.149.860.892
Chi phí tài chính			21.491.141.326
Thu nhập khác			108.456.262
Chi phí khác			444.907.569
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			(1.174.474.007)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			12.173.721.553
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>38.858.326.970</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>20.245.061.636</b>	<b>39.848.850</b>	<b>20.284.910.486</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>10.334.725.519</b>	<b>419.400.834</b>	<b>10.754.126.353</b>

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực bảo hiểm</u>	<u>Lĩnh vực xăng dầu</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.429.246.168.103	31.097.847.411	1.460.344.015.514
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.429.246.168.103</b>	<b>31.097.847.411</b>	<b>1.460.344.015.514</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	808.854.621.320	16.900.219.478	825.754.840.798
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>808.854.621.320</b>	<b>16.900.219.478</b>	<b>825.754.840.798</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.451.835.031.372	19.918.689.766	1.471.753.721.138
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.451.835.031.372</b>	<b>19.918.689.766</b>	<b>1.471.753.721.138</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	798.076.646.575	6.939.551.045	805.016.197.620
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>798.076.646.575</b>	<b>6.939.551.045</b>	<b>805.016.197.620</b>

### *Khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A, Đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	34,13	33,06
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	65,87	66,94
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,30	55,86
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43,70	44,14
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,78	1,79
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	6,19	4,02
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,16	0,80
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	89,18	48,57
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	12,55	14,11
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	9,56	10,99
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,49	2,52
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,66	1,96
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	6,12	4,33

Lập, ngày 17 tháng 8 năm 2011

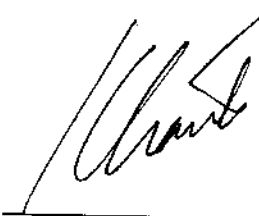
Người lập biểu

Kế toán trưởng

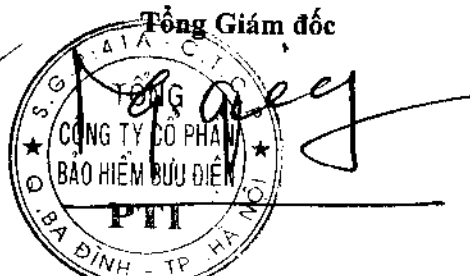
Tổng Giám đốc



Cao Thu Hiền



Đỗ Quang Khánh



Nguyễn Trường Giang